

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 555/TTr-TNMT ngày 30/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên địa chỉ trụ sở chính tại tổ dân phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng, lò rác và hệ thống hạ tầng, phụ kiện xử lý rác thải xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên”, địa chỉ tại thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà xưởng, lò rác và hệ thống hạ tầng, phụ kiện xử lý rác thải xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà xưởng, lò rác và hệ thống hạ tầng, phụ kiện xử lý rác thải xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên.

1.4. Mã số thuế: 2400485680

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý rác thải

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 20.389 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Nhà xưởng

++ Xây dựng mới nhà xưởng với diện tích xây dựng khoảng 864m^2 (DxR= $24 \times 18\text{m}$; $36 \times 12\text{m}$), số tầng cao 1 tầng, nền đổ bê tông mác 250[#] với chức năng chứa rác và đặt hệ thống dây chuyền xử lý rác thải. Kết cấu bằng khung thép tiền chế, gồm 02 khu chức năng chính là khu chứa rác sinh hoạt và khu đặt hệ thống máy xử lý rác, mái lợp Fibroximang.

++ Bể chức năng: Tổng diện tích xây dựng khoảng: 100m^2 bao gồm: Bể xử lý nước rỉ; bể rửa khói; bể dung dịch và bể nước sạch.

+ Thiết bị lò đốt rác: Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt 700kg/h (kích thước DxRx: $5,6 \times 2,34 \times 4,5\text{m}$) bao gồm các nội dung chính như sau:

++ Thân lò đốt chính: Bao gồm buồng đốt sơ cấp và buồng đốt thứ cấp, buồng lưu khói tích hợp giải nhiệt khí thải, van bypass đóng mở, quạt gió điện 3 pha.

++ Sàn ghi sấy bằng gang kích thước DxR = $1,05 \times 0,4\text{m}$.

++ Tầng vòm bức xạ: Buồng đốt có bố trí một tầng vòm bức xạ bằng bê tông chịu lửa và gạch chịu lửa có kích thước: DxR = $1,8 \times 1,05\text{m}$.

++ Hệ thống xử lý khói thải đồng bộ: Bao gồm thiết bị hấp thụ, quạt khói, hệ thống bơm dung dịch, các hệ thống phụ trợ.

++ Băng tải, hệ thống cấp rác tự động: Kích thước danh nghĩa của thiết bị cấp: DxRx = $1,275 \times 0,65 \times 0,3\text{m}$.

++ Hệ thống điện điều khiển: Gồm tủ điện điều khiển sơn tĩnh điện, attomat tổng, các contactor, các nút bấm, đèn báo tín hiệu, các role trung gian... và thiết bị đi kèm.

++ Máy xúc lật: Máy xúc lật bánh lốp dung tích gầu : $0,95\text{m}^3$.

++ Các nội dung khác: Thiết bị néo cột, chống sét, quạt gió, quạt khói, tủ điều khiển, sàn thao tác và một số thiết bị dùng lắp đặt theo yêu cầu.

+ San nền: Tổng diện tích san nền là 5.000m^2 , bằng đất cấp 3, hệ số san đầm $k=0,85$.

+ Xây dựng đường dây (chiều dài khoảng $1,0\text{km}$), trạm biến áp công suất khoảng 250KVA .

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên được cấp Giấy phép môi trường

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà xưởng, lò rác và hệ thống hạ tầng, phụ kiện xử lý rác thải xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên” thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; UBND huyện Tân Yên, UBND xã Ngọc Vân; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND

ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Nước thải phát sinh từ dự án được tái sử dụng cho bể dung dịch của hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác không thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 24 m³, sau đó được thu gom về bể xử lý nước rỉ rác qua đường ống nhựa PVC D110 với tổng chiều dài khoảng 104 m.

- Nước thay thế từ bể chứa dung dịch hấp thụ và bể rửa khói được thu gom theo đường ống PVC D110 với tổng chiều dài khoảng 49m đưa về bể lọc và bể thủy sinh để xử lý.

- Nước rỉ rác được thu gom bằng mương bê tông B520 có nắp đậy bố trí xung quanh khu vực tập kết rác đưa về bể xử lý nước rỉ rác sau đó sang bể lọc và bể thủy sinh để xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Xử lý nước thải sinh hoạt, nước rỉ rác:

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ), nước rỉ rác →bể xử lý 3 ngăn (thể tích 8,3m³)→bể lọc cát sỏi, than hoạt tính (thể tích 6,25m³)→bể thủy sinh (kích thước 28m³). Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho bể dung dịch hấp thụ khí thải.

+ Nước từ bể chứa dung dịch hấp thụ, bể rửa khói→bể lọc cát sỏi, than hoạt tính (thể tích 6,25m³)→bể thủy sinh (kích thước 28m³). Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho bể dung dịch hấp thụ khí thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố bể xử lý nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra các bể xử lý nước thải, hệ thống thu gom để khắc phục kịp thời các hư hỏng.

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành nạo vét hệ thống thu nước rỉ rác để đảm bảo việc thu gom được thông suốt.

- Trường hợp bể xử lý nước rỉ rác bị rò rỉ, sập, vỡ kết cấu thực hiện thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút và mang đi xử lý nước thải và tiến hành khắc phục sự cố. Trong thời gian khắc phục sự cố đơn vị được bàn giao, vận hành dự án bố trí bồn chứa nước rỉ rác, nước thải từ nhà vệ sinh và thực hiện xử lý sau khi khắc phục xong sự cố.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 700kg/giờ

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Phát sinh 01 dòng khí thải từ ống khói hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 700 kg/giờ.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Tại ống khói của lò đốt rác thải sinh hoạt. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107, múi chiếu 3): X= 2360933; Y= 401877

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000m³/giờ tương đương 80.000m³/ngày đêm (01 ngày hoạt động 8 tiếng).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
			QCVN 61-MT:2016/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100
2	Axit Clohydric, HCl	mg/Nm ³	50
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm ³	250
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂	mg/Nm ³	250
5	Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	500
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,2
7	Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd	mg/Nm ³	0,16
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2
9	Tổng Dioxin/furan	ngTEQ/Nm ³	0,6

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải từ lò đốt rác sơ cấp di chuyển sang buồng đốt thứ cấp. Buồng đốt thứ cấp được thiết kế kiêm chức năng tách bụi kiểu cyclon kết hợp trọng lực. Buồng tách bụi tích hợp trong buồng đốt thứ cấp được thiết kế có chức năng tách các hạt bụi lớn. Các hạt bụi có kích thước lớn được đưa đến khoang chứa tro xỉ và được chôn lấp tại hố chôn lấp trong phạm vi dự án.

- Sau khi tách bụi sơ bộ tại buồng đốt thứ cấp, khí thải tiếp tục di chuyển đến thiết bị lưu khói thải. Tại đây, khói được xử lý kiểu nhiệt phân, kiêm chức năng tách bụi kiểu khí động học, tách các hạt bụi nhỏ đến 0,01mm ra khỏi dòng khói trước khi sang thiết bị giải nhiệt. Thiết bị lưu khí có kích thước $D \times R \times C = 1,5 \times 1,5 \times 1,77m$, trọng lượng danh nghĩa 3.250kg.

- Khí thải sau khi được xử lý tại thiết bị lưu khói thải tiếp tục qua thiết bị giải nhiệt để hạ nhiệt độ khói thải. Thiết bị trao đổi nhiệt được có kích thước $D \times R \times C = 1.450 \times 1.450 \times 750mm$, trọng lượng 750kg. Khí thải ra khỏi thiết bị trao đổi nhiệt trung bình dưới $200^{\circ}C$.

- Sau đó khói thải được đưa đến tháp hấp thụ kiểu ướt tại đây dung dịch $Ca(OH)_2$ phun trực tiếp vào dòng khói thải có tác dụng khử mùi và xử lý khói thải, dung dịch sau hấp thụ được thu hồi tuần hoàn về bể chứa dung tích tích hấp thụ thể tích $25,2m^3$ gồm 4 khoang (khoang xả bùn: $1,5m^3$, khoang chứa dung dịch thu hồi và châm dung dịch kiềm: $14,8 m^3$, khoang lắng dung dịch: $5,5m^3$, khoang dung dịch sau lắng: $3,4m^3$).

- Khí thải sau khi được xử lý qua tháp hấp thụ bằng dung dịch sẽ tiếp tục được đưa đến tháp hấp phụ bằng than hoạt tính có kích thước $D \times H = 1,27 \times 5,63m$ với vật liệu bằng inox 304. Khí thải tiếp tục qua bể rửa khói để vừa giải nhiệt vừa dập bụi, bể rửa khói có kích thước $D \times R \times C = 4.000 \times 2780 \times 1.800mm$

- Cuối cùng khí thải sẽ được quạt hút đưa ra ngoài môi trường thông qua ống khói có đường kính 478mm chiều cao 20m, đảm bảo khí thải đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Rác thải sinh hoạt đã phân loại => Buồng đốt sơ cấp => Buồng đốt thứ cấp => Thiết bị lưu khói tích hợp thiết bị giải nhiệt khí thải => Thiết bị gia nhiệt khói ẩm => Tháp hấp thụ (Dung dịch $Ca(OH)_2$) => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính => Bể ẩm => Ống khói (cao 20m).

- Công suất thiết kế: $10.000m^3/giờ$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ $Ca(OH)_2$ sử dụng 45 tấn/năm;

+ Than hoạt tính sử dụng 280kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra và bổ sung nước, dung dịch kiềm vào bể dung dịch, bể rửa khói.
- Thay dung dịch định kỳ để tăng hiệu suất xử lý của hệ thống.
- Bảo dưỡng định kỳ hệ thống quạt hút, hệ thống phun chế phẩm để đảm bảo việc vận hành tránh xảy ra sự cố.

* Biện pháp ứng phó:

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải tiến hành tạm dừng lò đốt cho đến khi khắc phục xong sự cố. Toàn bộ lượng rác thải sẽ được lưu chứa vào khu tập kết và phun hóa chất khử mùi, khử côn trùng lên khu tập kết rác thải (tần suất 2 lần/ngày) cụ thể:

+ Hóa chất khử mùi: sử dụng chế phẩm EM pha loãng với nước sạch để phun theo tỷ lệ 1/7 (mùa khô) và 1/5 (mùa mưa).

+ Hóa chất diệt ruồi, muỗi: sử dụng thuốc Mapperme 50EC: Pha loãng với nước sạch với tỷ lệ 1/60 (mùa khô) và 1/50 (mùa mưa).

Sau khi khắc phục xong sự cố sẽ tiến hành vận hành lò với thời gian đốt hàng ngày để xử lý hết lượng rác tồn lưu và lượng rác phát sinh mới.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2022 đến ngày 03/11/2022)

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khói lò đốt rác thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của lò đốt sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí khí thải sau xử lý tại ống khói lò đốt rác	Bụi tổng, HCl, CO, SO ₂ , NO _x (tính theo NO ₂), Hg, Cd, Pb, Tổng Dioxin/furan	Lấy 03 mẫu đơn khí thải sau xử lý khí thải. Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần + Lần 1: Ngày 01/11/2022 + Lần 2: Ngày 02/11/2022 + Lần 3: Ngày 03/11/2022	QCVN 61-MT: 2016/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống lò đốt rác.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 vị trí tại khu vực vận hành lò đốt rác. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107, múi chiếu 3): X= 2360940; Y= 401867

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

- Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các loại máy móc thiết bị, kiểm tra độ mòn của các chi tiết máy và tra dầu bôi trơn định kỳ;

- Kiểm tra sự liên kết giữa động cơ, khớp nối và trục quạt. Bất kỳ sự điều chỉnh nào thực hiện cho khớp nối phải được sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Guồng cánh bị bụi bẩn hoặc bị mòn, gỉ không đều cần bảo dưỡng để cân bằng động lại.

- Công nhân làm việc làm việc liên tục các công đoạn có tiếng ồn cao được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...).

- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án, để giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời còn tạo thẩm mỹ và cảnh quan cho khu vực thực hiện dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 52,3kg/tháng (chất thải nguy hại phát sinh từ phân loại rác thải sinh hoạt trước khi đốt khoảng 9kg/tháng, than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải phát sinh khoảng 23,3kg/tháng và cặn lắng tại bể dung dịch phát sinh khoảng 20kg/tháng).

- Chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại; găng tay, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin, ắc quy thải; than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải và cặn lắng tại bể dung dịch.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 0,73 tấn/ngày.

- Chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Chất thải không đốt được phát sinh từ việc phân loại rác thải trước khi đốt bao gồm đất đá, gạch, thủy tinh,... chiếm khoảng 0,232 tấn/ngày.

+ Chất thải có thể tái chế được phát sinh từ việc phân loại rác thải trước khi đốt bao gồm: Nhựa, kim loại, nilon,... chiếm khoảng 0,058 tấn/ngày.

+ Tro, xỉ thải phát sinh sau quá trình đốt khoảng 0,44 tấn/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 02kg/ngày, tương đương với 60kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 06 thùng phuy loại có dung tích 100 lít có dán mã của từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà xưởng:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà xưởng: 06 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà xưởng: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao cao 20cm để tránh bị tràn chất thải trong trường hợp có sự xảy ra đối với chất thải ở dạng lỏng, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải có thể tái chế được bao gồm: nhựa, kim loại, nilon,... thu gom vào 03 thùng chứa loại có dung tích 150 lít đặt gần khu tập kết rác thải và sau đó bán cho các đơn vị thu mua làm nguyên liệu tái chế.

- Chất thải không đốt được bao gồm đất đá, gạch, thủy tinh,... được thu gom vào các bao tải sau đó mang đi chôn lấp hàng ngày tại bãi chôn lấp tro xỉ của dự án.

- Tro, xỉ thải phát sinh hàng ngày được thu gom vào các bao tải, lưu chứa tại vị trí cuối nhà xưởng và được xử lý bằng cách chôn lấp tại bãi chôn lấp trong khu vực dự án.

Bãi chôn lấp tro xỉ diện tích 1.900 m² được chia thành từng ô với thể tích 150m³ kích thước (15x4x2,5)m. Mỗi ô phân đáy hố, thành hố được lu lèn chặt, chống thấm. Sau khi ô chôn lấp đầy được sẽ được phủ lớp đất dày tối thiểu 0,5m được đầm nén và trồng cây trên bề mặt hố.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 01 thùng chứa bằng nhựa loại dung tích 25 lít có nắp đậy tại nhà bảo vệ, 02 thùng chứa bằng nhựa loại có dung tích 50 lít có nắp đậy tại nhà ở công nhân và khu vực nhà vệ sinh để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân. Chất thải sau khi được thu gom sẽ được xử lý tại lò đốt rác của dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động đốt rác thải, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục công trình cải tạo phục hồi môi trường

- San gạt, cải tạo mặt bằng khu vực bãi chôn lấp tro xỉ trên diện tích bãi chôn lấp tro xỉ rộng 1.900 m² được chủ dự án san gạt lớp đất phủ, bổ sung đất hữu cơ tạo mặt bằng để trồng cây trên khu vực san gạt. Khối lượng đất san gạt: 1.140 m³.

- Sau khi san gạt chủ dự án thực hiện trồng cây trên mặt bằng khu vực bãi chôn lấp, chăm sóc cây trong 3 năm: Lựa chọn giống cây trồng là cây keo lai, mật trồng cây trồng 1.660 cây/ha.

2. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 59.389.000 đồng.

- Phương thức ký quỹ: Ký quỹ 01 lần bằng 100% tổng số tiền phải ký quỹ nêu trên.

- Thời điểm ký quỹ: Sau khi giấy phép môi trường được cấp.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang.

3. Thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường

Sau khi bãi chôn lấp tro xỉ được lấp đầy, dự kiến thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường từ tháng 01 năm 2032 đến tháng 02 năm 2032. Sau đó chăm sóc cây trồng trong 03 năm tiếp theo.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các bể xử lý nước thải tại Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh để tái sử dụng cấp cho bể dung dịch và tưới cây trong khu vực dự án, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước mặt xung quanh, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh đạt Quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường. Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 555/TTr-TNMT ngày 30/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.